

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất tã trẻ em các loại công suất từ 532.980.000 cái/năm lên 1.307.880.000 cái/năm; băng vệ sinh từ 476.280.000 miếng/năm lên 952.560.000 miếng/năm; khăn ướt công suất 3.919.104.000 tấm/năm và đầu tư mới dây chuyền sản xuất khẩu trang y tế công suất 388.206.000 cái/năm” do Công ty TNHH Hayat Kimya Việt Nam làm Chủ đầu tư tại lô A19-A, KCN Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất tã trẻ em các loại công suất từ 532.980.000 cái/năm lên 1.307.880.000 cái/năm; băng vệ sinh từ 476.280.000 miếng/năm lên 952.560.000 miếng/năm; khăn ướt công suất 3.919.104.000 tấm/năm và đầu tư mới dây chuyền sản xuất khẩu trang y tế công suất 388.206.000 cái/năm” họp ngày 05/01/2022 tại Hội trường Ban Quản lý Khu kinh tế;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất tã trẻ em các loại công suất từ 532.980.000 cái/năm lên 1.307.880.000 cái/năm; băng vệ sinh từ 476.280.000 miếng/năm lên 952.560.000 miếng/năm; khăn ướt công suất 3.919.104.000 tấm/năm và đầu tư mới dây chuyền sản xuất khẩu trang y tế công suất 388.206.000 cái/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 01/08-2022/HK ngày 05/8/2022 của Công ty TNHH Hayat Kimya Việt Nam;*



Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 36/TTr-BQL ngày 06/9/2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất tơ trẻ em các loại công suất từ 532.980.000 cái/năm lên 1.307.880.000 cái/năm; băng vệ sinh từ 476.280.000 miếng/năm lên 952.560.000 miếng/năm; khăn ướt công suất 3.919.104.000 tấm/năm và đầu tư mới dây chuyền sản xuất khẩu trang y tế công suất 388.206.000 cái/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Hayat Kimya Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) làm Chủ đầu tư tại lô A19-A, KCN Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này thay thế Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 5.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành; Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Hayat Kimya Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- UBND xã Minh Thành;
- Công ty CP PTHTKT Becamex - Bình Phước;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-9KKT<sub>7/9</sub>).

CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

## PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất tã trẻ em các loại công suất từ 532.980.000 cái/năm lên 1.307.880.000 cái/năm; băng vệ sinh từ 476.280.000 miếng/năm lên 952.560.000 miếng/năm; khăn ướt công suất 3.919.104.000 tấm/năm và đầu tư mới dây chuyền sản xuất khẩu trang y tế công suất 388.206.000 cái/năm” do Công ty TNHH Hayat Kimya Việt Nam làm Chủ đầu tư tại lô A19-A, Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số 1658 /QĐ-UBND ngày 09 /9/2022  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

### 1. Thông tin về Dự án:

**1.1. Tên Dự án:** Nâng công suất Nhà máy sản xuất tã trẻ em các loại công suất từ 532.980.000 cái/năm lên 1.307.880.000 cái/năm; băng vệ sinh từ 476.280.000 miếng/năm lên 952.560.000 miếng/năm; khăn ướt công suất 3.919.104.000 tấm/năm và đầu tư mới dây chuyền sản xuất khẩu trang y tế công suất 388.206.000 cái/năm.

**1.2. Địa điểm thực hiện:** Lô A19-A, Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**1.3. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Hayat Kimya Việt Nam.

Địa chỉ liên hệ: Lô A19-A, Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

### 1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án “Nâng công suất Nhà máy sản xuất tã trẻ em các loại công suất từ 532.980.000 cái/năm lên 1.307.880.000 cái/năm; băng vệ sinh từ 476.280.000 miếng/năm lên 952.560.000 miếng/năm; khăn ướt công suất 3.919.104.000 tấm/năm và đầu tư mới dây chuyền sản xuất khẩu trang y tế công suất 388.206.000 cái/năm” được thực hiện trên diện tích khu đất 320.056,727 m<sup>2</sup> tại lô A19-A, Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, bao gồm các hạng mục:

+ Công trình chính: Nhà xưởng sản xuất; nhà văn phòng xưởng; nhà bảo vệ; nhà máy nén khí; khu chuẩn bị lotion; nhà điện/khu chuyển đổi; nhà bơm làm mát; khu vực đặt máy làm mát/phụ trợ kỹ thuật; nhà điều khiển hệ PCCC; bãi đỗ xe.

+ Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại 03 ngăn; kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường; kho lưu chứa chất thải nguy hại; hệ thống xử lý nước thải; hệ thống thu gom, xử lý bụi.

+ Đường giao thông nội bộ và sân bãi.

+ Cây xanh.

+ Đất dự trữ.



- Công suất của dự án: Tã dán trẻ em: 582.120.000 cái/năm; tã quần trẻ em: 725.760.000 cái/năm; băng vệ sinh: 952.560.000 miếng/năm; khăn ướt: 3.919.104.000 tấm/năm; khẩu trang y tế: 388.206.000 cái/năm.

### **1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:**

- Quy trình sản xuất tã dán trẻ em: Giấy bột nguyên liệu → Nghiền, làm toi lõi → Định hình lõi bột giấy (phun hạt siêu thấm SAP vào lõi vừa được làm toi) → Bọc lõi (Dán Tissue hoặc Monwoven vào bột giấy) → Ép nén → Cắt lõi (Dán ADL) → Dán lưng thun và topsheet, vách chống tràn (băng dính mặt trước và vải thun nhún tạo rìa chống tràn) → Dán trái phải (băng dính mặt sau) → Cắt định hình → Gấp tã → Đóng gói → Thành phẩm.

- Quy trình sản xuất tã quần trẻ em: Giấy bột nguyên liệu → Nghiền, làm toi lõi → Định hình lõi bột giấy (phun hạt siêu thấm SAP vào lõi vừa được làm toi) → Bọc lõi (Dán Tissue hoặc vải không dệt vào lõi) → Cắt lõi → Ép nén → Lõi (Dán ADL vào topsheet, dán backsheet và vách chống tràn) → Cắt định hình thân tã → Dán lưng thun (thun, băng dính mặt trước, băng dán mini dùng một lần) → Sản phẩm hoàn chỉnh → Đóng gói → Thành phẩm.

- Quy trình sản xuất băng vệ sinh: Giấy bột nguyên liệu → Nghiền, làm toi lõi → Định hình lõi bột giấy (phun hạt siêu thấm SAP vào khuôn bột giấy) → Lõi (Dán Tissue vào lõi bột giấy) → Cắt lõi → Dán backsheet và topsheet → Cắt định hình → Gấp nếp (băng dính mini dùng một lần dán trái/phải) → Đóng gói → Thành phẩm.

- Quy trình sản xuất khăn ướt: Màng khăn ướt → Xé màng → Gấp màng khăn ướt → Cắt màng (Rót hương: lotion, hương liệu, nước) → Xếp khăn → Xác định trọng lượng và số lượng khăn → Đóng gói → Dán nắp, decal → Đóng thùng carton → Thành phẩm.

- Quy trình sản xuất khẩu trang y tế:

Chuẩn bị máy và nguyên liệu → Đặt nguyên liệu thô vào thiết bị tháo cuộn → Bắt đầu chạy dây chuyền → Máy mở cuộn lớp ngoài (máy mở cuộn lớp giữa; máy mở cuộn lớp trong; dao cắt dây mũi → Máy mở cuộn dây mũi) → Gấp nếp → Dập bên → Gấp làm ba → Dập cuối (1).

Máy mở cuộn đàn hồi → Máy gấp đàn hồi → Dập lỗ → Máy phủ keo → Dao cắt đàn hồi (2).

(1) và (2) → Hệ thống dập đàn hồi → Hệ thống cắt tuần hoàn → Băng tải đóng gói → Đóng gói thủ công hoặc đóng gói theo định lượng → Đóng thùng bán tự động → Stretching → Thành phẩm.

## **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:**

### **2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:**

- *Tác động trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị; khí thải từ quá trình lắp đặt thiết bị; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn từ



quá trình lắp đặt thiết bị; chất thải nguy hại quá trình lắp đặt thiết bị; các tác động khi nhà máy hoạt động sản xuất với công suất hiện hữu.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành*, gồm: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy; bụi, hơi hóa chất từ quá trình sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại,...

## **2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

**2.2.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án:**

*Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng khoảng 30,675 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, sunfua, dầu mỡ động, thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng coliforms,...

**2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

Phát sinh khoảng 39,9 m<sup>3</sup>/ngày đêm, bao gồm: nước thải sinh hoạt, nhà ăn, vệ sinh nhà xưởng,...Thành phần gồm: BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, sunfua, dầu mỡ động, thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng coliforms,...

## **2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

**2.3.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án:**

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị*: Thành phần bao gồm: Bụi, NO<sub>x</sub>, CO, HC,...

- *Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình lắp ráp máy móc thiết bị*: Thành phần bao gồm: Bụi, khói hàn,...

- *Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất hiện hữu của dự án*: Thành phần bao gồm: Bụi, VOC,...

**2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy*: Thành phần bao gồm: Bụi, NO<sub>x</sub>, CO,...

- *Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất*: Phát sinh chủ yếu ở các công đoạn: làm tơ lõi, cắt, phối trộn, từ quá trình sử dụng keo, tẩy keo,...Thành phần gồm: Bụi, VOC,...

## **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:**

**2.4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án:**

- *Chất thải rắn từ quá trình lắp đặt máy móc thiết bị*: Phát sinh khoảng 75 kg trong suốt quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị, chủ yếu là pallet thải, thùng carton,...



- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 82,5 kg/ngày, thành phần gồm: rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp,... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ quá trình hoạt động hiện hữu của Dự án*: Phát sinh khoảng 126,99 tấn/năm, chủ yếu là lõi bột giấy nguyên liệu thô, vải không dệt các loại, vải thun, hạt thấm hút không chứa thành phần nguy hại, bao bì in sẵn, màng PE đóng gói,...

#### **2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Phát sinh khoảng 947,34 tấn/năm, gồm: Lõi bột giấy nguyên liệu thô, vải không dệt, vải thun, hạt thấm hút, băng dính, giấy tráng phủ silicon, bao bì, màng PE đóng gói, tấm lọc thải từ hệ thống xử lý bụi, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải (không có thành phần nguy hại),...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 250 kg/ngày, gồm: Bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

### **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

#### **2.5.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án:**

Phát sinh khoảng 5.347 kg/năm, gồm: Bao bì mềm thải, hộp mực in, bao bì cứng thải bằng kim loại, bao bì chứa keo dán, keo thải, chất tẩy keo thải, giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, hóa chất,... Ngoài ra, phát sinh khoảng 01 kg cho quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị, gồm: Giẻ lau dính dầu nhớt, bao bì mềm thải,...

#### **2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

Phát sinh khoảng 37.043 kg/năm, gồm: Hộp mực in văn phòng, bóng đèn huỳnh quang thải bỏ, bao bì mềm thải, bao bì cứng thải, bao bì chứa keo dán, giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt thải, keo thải, chất tẩy keo thải,...

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:**

#### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

##### **3.1.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án:**

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải*: Sử dụng nhà vệ sinh hiện có của Dự án. Nước thải được thu gom và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của Dự án, công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Becamex – Bình Phước (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex – Bình Phước.



### 3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Sử dụng hệ thống xử lý nước thải hiện hữu của Dự án, công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý nước thải với quy trình xử lý như sau: Nước thải → Song chắn rác → Bể thu gom và điều hòa → Bể SBR → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Becamex – Bình Phước (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex – Bình Phước.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

#### 3.2.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí do hoạt động của các phương tiện vận chuyển thiết bị:* Tất cả các phương tiện vận chuyển phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; bố trí tuyến đường vận chuyển hợp lý; thường xuyên kiểm tra, bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị,...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh từ quá trình sản xuất:* Lắp đặt 03 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ quá trình sản xuất với quy trình bao gồm các hạng mục chính: Bụi → Thiết bị lọc hình tròn → Lọc thứ cấp → Khí sạch.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do quá trình sử dụng keo, quá trình phối trộn lotion và hương liệu, tẩy keo:* Áp dụng các biện pháp kiểm soát nội vi nhà xưởng, an toàn vệ sinh lao động, trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cho công nhân,...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động hiện hữu đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### 3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân; tắt máy phương tiện trong thời gian lên xuống hàng hóa;...

- *Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất:* Sử dụng 03 hệ thống xử lý bụi hiện hữu. Lắp đặt thêm 12 hệ thống xử lý bụi (02 hệ thống tại dây chuyền sản xuất tã dán; 08 hệ thống từ dây chuyền sản xuất tã quần; 02 hệ thống từ dây



chuyển sản xuất bằng vệ sinh) với quy trình bao gồm các hạng mục chính: Bụi → Thiết bị lọc hình trống → Lọc thứ cấp → Khí sạch.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:**

#### **3.3.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 90 lít đến 240 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và tập kết về khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 15 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường vào khu vực chứa chất thải rắn hiện hữu với diện tích 125,94 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy để lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và tập kết về khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 15 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Thu gom, phân loại toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường và lưu giữ vào kho chứa với diện tích 125,94 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

#### **3.4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:**

- *Chất thải nguy hại:* Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại



với diện tích khoảng 233 m<sup>2</sup>, có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rỗng để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng,... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

#### **3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Chất thải nguy hại:* Phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 233 m<sup>2</sup>, có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rỗng để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị PCCC,...Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

#### **3.5.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân; trồng, chăm sóc cây xanh xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Thiết kế nhà máy thông thoáng, trong đó bố trí hệ thống thông gió và quạt hút tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí tự nhiên giữa khu vực xưởng và bên ngoài nhà máy; thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị; xung quanh nhà máy trồng cây xanh để điều hòa vi khí hậu và tạo cảnh quan cho khu vực nhà máy.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu của Dự án.

#### **3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công



nhân; trồng, chăm sóc cây xanh xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư*: Thiết kế nhà máy thông thoáng, trong đó bố trí hệ thống thông gió và quạt hút tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí tự nhiên giữa khu vực xưởng và bên ngoài nhà máy; thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị; xung quanh nhà máy trồng cây xanh để điều hòa vi khí hậu và tạo cảnh quan cho khu vực nhà máy.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

#### **3.6.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:**

Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

#### **3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng, chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Hệ thống xử lý bụi từ quá trình sản xuất tã dán (số lượng: 3 hệ thống, lưu lượng hút trung bình: 25.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống).
- Hệ thống xử lý bụi từ quá trình sản xuất tã quần (số lượng: 9 hệ thống, lưu lượng hút trung bình: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống).
- Hệ thống xử lý bụi từ quá trình sản xuất băng vệ sinh (số lượng: 3 hệ thống, lưu lượng hút trung bình: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống).
- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, diện tích khoảng 15 m<sup>2</sup>.
- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích khoảng 125,94 m<sup>2</sup>.



- Kho lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích khoảng 233 m<sup>2</sup>.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:**

### **5.1. Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện hữu:**

#### **5.1.1. Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải và 01 vị trí đầu ra tại hố ga đầu nối với KCN (nước thải sau xử lý).
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng dầu mỡ, coliforms.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Becamex - Bình Phước (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B).

#### **5.1.2. Giám sát bụi sau hệ thống xử lý bụi:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý bụi.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (kp = 0,9; kv = 1,0)

#### **5.1.3. Giám sát không khí khu vực sản xuất:**

- *Vị trí giám sát:* 03 vị trí tại 03 khu vực: Sản xuất tã quần; sản xuất tã dán; sản xuất băng vệ sinh.
- *Thông số giám sát:* Bụi, tiếng ồn, vi khí hậu.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT – v/v ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 5 nguyên tắc và 7 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

#### **5.1.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.



- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên.
- *Quy định áp dụng*: Theo quy định hiện hành.

**5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:** Theo quy định hiện hành.

**5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:**

**5.3.1. Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải và 01 vị trí đầu ra tại hố ga đầu nối với KCN (nước thải sau xử lý).
- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng dầu mỡ, coliforms.
- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh*: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Becamex - Bình Phước (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B).

**5.3.2. Giám sát bụi sau hệ thống xử lý bụi:**

- *Vị trí giám sát*: 06 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý bụi.
- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, bụi.
- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (kp = 0,8; kv = 1,0).

**5.3.3. Giám sát không khí khu vực sản xuất:**

- *Vị trí giám sát*: 05 vị trí tại 05 khu vực: Sản xuất tã quần; sản xuất tã dán; sản xuất băng vệ sinh; sản xuất khăn ướt; sản xuất khẩu trang.
- *Thông số giám sát*: Bụi, tiếng ồn, vi khí hậu
- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT – v/v ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 5 nguyên tắc và 7 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

**5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên.



- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

- 6.1.** Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường khu công nghiệp.
- 6.2.** Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.
- 6.3.** Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- 6.4.** Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.
- 6.5.** Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).
- 6.6.** Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 6.7.** Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.
- 6.8.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.

